

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HS-ST

Ngày: 19-4-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Ngẫu.

Thẩm phán: Ông Phạm Văn Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Trung Sâm;

2. Ông Võ Hoà Minh;

3. Ông Lê Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Hậu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

1. Ông Nguyễn Anh Điền - Kiểm sát viên;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ D - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai (bằng hình thức trực tuyến kết nối từ điểm cầu Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh với điểm cầu Trại Tam giam Công an tỉnh T) vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 3 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2024, đối với bị cáo:

- *Họ và tên:* Lê Minh N, sinh ngày: 09-12-1984, tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở hiện nay: ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh; giới tính: Nam; nghề nghiệp: thợ sơn; trình độ văn hoá: 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Cao đài; con ông Lê Phát T, sinh năm 1953 (đã chết) và bà Cao Thị H, sinh năm 1954; vợ: Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh năm 1987; con: 01 người, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không có.

Nhân thân: năm 2004, bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999; chấp hành án xong ngày 16-12-2004, đã được xóa án tích.

- Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28-11-2023 đến nay; đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh T. Bị cáo có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Văn H1 – Luật sư của Công ty L, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh T. Có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Hồng V, sinh năm 1979;

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 18-02-2022, anh Nguyễn Thanh N1, con của ông Nguyễn Hồng V bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T bắt tạm giam để điều tra về hành vi “Giết người”. Ông V kể sự việc cho bà Nguyễn Thị Ngọc Đ biết và nhờ tìm người lo giúp cho N1 được nhẹ tội. Do trước đó, bà Đ có quen với Lê Minh N (N giới thiệu tên T2 và có quen biết nhiều người) nên bà Đ cho ông V số điện thoại của N để liên lạc. Khi ông V liên lạc, N nói dối có thể lo được cho con của ông V; hứa hẹn lo theo từng giai đoạn tố tụng, khi cần sẽ liên lạc để ông V chuẩn bị tiền thì ông V đồng ý. Từ tháng 3-2022 đến tháng 9-2022, theo yêu cầu của N, ông V đã 08 lần đưa tiền cho N, tổng cộng 1.365.000.000 đồng, trong đó có 06 lần đưa trực tiếp cho N (bằng tiền mặt), thấp nhất là 15.000.000 đồng, cao nhất 450.000.000 đồng; 02 lần chuyển khoản vào tài khoản số 5700205137932 của Nguyễn Thị Mỹ T1 (vợ của N), cụ thể chuyển vào ngày 04-6-2022 số tiền 100.000.000 đồng, chuyển vào ngày 05-6-2022 số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, N sử dụng vào việc trả nợ, bù lỗ trong kinh doanh và tham gia đánh bạc trên mạng. Đến ngày 30-11-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt Nguyễn Thanh N1 08 năm tù. Do N không thực hiện được như thỏa thuận, ông V nhiều lần yêu cầu N trả lại tiền nhưng N không trả, hiện còn chiếm đoạt của ông V tổng số tiền 1.365.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Lê Minh N đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

* Về kết quả giám định:

Kết luận giám định số 5925/KL-KTHS ngày 09-11-2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành Phố Hồ Chí Minh, kết luận:

- Không phát hiện thấy dấu hiệu cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hội thoại trong file âm thanh mẫu cần giám định.

- Tiếng nói của người nam xưng là “em” trong file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của Lê Minh N trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

- Tiếng nói của người nam xưng là “anh” trong file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Hồng V trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

- Tiếng nói của người nữ xưng là “em” trong file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của Nguyễn Thị Ngọc Đ trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra.

* Về thu giữ vật chứng:

- Vật chứng kèm theo vụ án gồm:

+ 01 USB nhãn hiệu “Kingston” chứa 02 file ghi âm giọng nói do ông **Nguyễn Hồng V** giao nộp;

+ 01 USB nhãn hiệu “Kingston” chứa file ghi hình có âm thanh giọng nói của ông **Nguyễn Hồng V**;

+ 01 USB nhãn hiệu “Kingston” chứa file ghi hình có âm thanh giọng nói của bà **Nguyễn Thị Ngọc Đ**;

+ 01 USB nhãn hiệu “Kingston” chứa file ghi hình có âm thanh giọng nói của **Lê Minh N**.

- Vật chứng còn tạm giữ: 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A71, màu xám, số IMEI: 353408/11/599378/2 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy). Hiện đang tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh (theo *Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 18-3-2024*).

* Về bồi thường thiệt hại:

Ông **Nguyễn Hồng V** yêu cầu bồi thường 1.365.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định. Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, bị cáo **N** đã tác động gia đình trả cho ông **V** được số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục một phần thiệt hại.

* Về kê biên tài sản: bị cáo **N** không có tài sản nên không tiến hành kê biên.

Tại Bản Cáo trạng số 09/CT-VKS-P3 ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo **Lê Minh N** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo **Lê Minh N** đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh giữ nguyên Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Lê Minh N** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Minh N** từ 18 (mười tám) năm đến 20 (hai mươi) năm tù. Về hình phạt bổ sung: do bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại, hiện tại không còn tài sản, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

* Về xử lý vật chứng căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

* Về trách nhiệm dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo **Lê Minh N** hoàn trả lại cho bị hại số tiền chiếm đoạt còn lại là 1.315.000.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo **N** trình bày ý kiến: thống nhất với tội danh và điều luật, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự mà Kiểm sát viên đề nghị. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, ban đầu bị cáo không thừa nhận chiếm đoạt tổng số tiền như bị hại trình bày, qua động viên của Luật sư bào chữa, bị cáo **N** đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra, thừa nhận toàn bộ hành vi và tổng số tiền chiếm đoạt của bị hại, giúp Cơ quan điều tra sớm kết thúc vụ án, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo **N**.

Bị cáo **Lê Minh N** thống nhất lời trình bày và đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo, không trình bày tranh luận bổ sung.

Trong phần đối đáp, Kiểm sát viên trình bày, việc Luật sư bào chữa cho bị cáo **N** đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo **N** là không có căn cứ, bởi vì trong suốt quá trình điều tra, bị cáo **N** khai nhận không thành khẩn, khai nhận nhỏ giọt, ban đầu chỉ khai nhận chiếm đoạt của bị hại khoản 150.000.000 đồng, đến khi Cơ quan điều tra có kết quả giám định, đủ căn cứ chứng minh bị cáo chiếm đoạt của bị hại **V** tổng số tiền 1.365.000.000 đồng, bị cáo mới nhận tội. Về đề nghị áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự thấy rằng, bị cáo chiếm đoạt của bị hại số tiền lớn, gia đình bị cáo mới trả lại cho bị hại 50.000.000 đồng/ 1.365.000.000 đồng là rất ít, không đủ điều kiện áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xem xét cho bị cáo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo **N** giữ nguyên quan điểm đã trình bày và đề nghị, không trình bày tranh luận bổ sung.

Lời nói sau cùng của bị cáo **Lê Minh N**: bị cáo rất ăn năn hối cải về việc làm của bị cáo, kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo thực hiện.

Tại phiên toà, bị cáo **Lê Minh N** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định:

Do biết bị hại **Nguyễn Hồng V** có một người con ruột đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an tỉnh T** bắt tạm giam để điều tra về hành vi “Giết người”. Sau khi được bị hại **V** liên lạc, **N** nói dối với bị hại **V** có thể lo được cho con của bị hại **V** được giảm nhẹ tội; **N** hứa hẹn lo theo từng giai đoạn tố tụng, khi cần sẽ liên lạc để bị hại **V** chuẩn bị tiền thì bị hại **V** đồng ý. Từ tháng 3-2022 đến tháng 9-2022, theo yêu cầu của **N**, bị hại **V** đã 08 lần đưa tiền cho **N**, tổng cộng 1.365.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, **N** sử dụng vào việc trả nợ, bù lỗ trong kinh doanh và tham gia đánh bạc trên mạng.

Do đó, đã đủ cơ sở kết luận bị cáo **Lê Minh N** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự như luận tội của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ.

[3] Vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo **N** là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo biết rõ tâm lý của bị hại **V** có con ruột bị khởi tố để điều tra về tội “Giết người”, muốn con mình được giảm nhẹ tội đến mức thấp nhất, bị cáo đã đưa ra thông tin giả có thể lo cho con bị hại **V** được giảm nhẹ tội, bị hại **V** tin tưởng đã đưa cho bị cáo 08 lần với số tiền 1.365.000.000 đồng. Do đó, hành vi phạm tội của cáo **N** cần phải xử phạt hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài, mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[4.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 50.000.000 đồng để khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại; đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo đã 08 lần lừa đảo chiếm đoạt tiền của bị hại **V**, mỗi lần nhận số tiền đều đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự, do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội từ 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4.3] Về nhân thân: bị cáo có nhân thân không tốt, vào năm 2004, bị Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành (nay là **thị xã H**), **tỉnh Tây Ninh** xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999; chấp hành án xong ngày 16-12-2004, đã được xóa án tích.

[5] Về hình phạt bổ sung: do bị cáo **N** hiện không còn tài sản, nên Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Từ những phân tích trên, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo **N**.

[7] Đối với bà **Nguyễn Thị Ngọc Đ** có hành vi giới thiệu **Lê Minh N** cho bị hại **Nguyễn Hồng V**, để bị hại **V** đưa tiền cho **N** “chạy án”. Tuy nhiên, bà **Đ** không biết, không tham gia và không được hưởng lợi từ việc **N** lừa đảo chiếm đoạt tiền của bị hại **V**, nên không có căn cứ xử lý hình sự.

[8] Đối với bị hại **Nguyễn Hồng V** có hành vi đưa tiền để **N** “chạy án”, do không xác định được có việc “chạy án” và bị hại **V** đã chủ động khai báo về sự việc nên không có căn cứ để xử lý hình sự.

[9] Đối với **Nguyễn Thị Mỹ T1** (vợ của **N**) nhận số tiền 150.000.000 đồng do bị hại **V** chuyển khoản vào tài khoản của **T1**, **T1** đã rút tiền mặt và đưa hết cho **N**. **T1** không biết rõ nguồn gốc và mục đích sử dụng số tiền trên, không biết việc **N** lừa đảo bị hại **V** nên không có căn cứ xử lý.

[10] Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10.1] 01 USB nhãn hiệu “Kingston” chứa 02 file ghi âm giọng nói do ông **Nguyễn Hồng V** giao nộp; 01 USB nhãn hiệu “Kingston” chứa file ghi hình có âm thanh giọng nói của ông **Nguyễn Hồng V**; 01 USB nhãn hiệu “Kingston” chứa file ghi hình có âm thanh giọng nói của bà **Nguyễn Thị Ngọc Đ**; 01 USB nhãn hiệu “Kingston” chứa file ghi hình có âm thanh giọng nói của **Lê Minh N**, đây là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo **N** được lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án.

[10.2] 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A71, màu xám, số IMEI: 353408/11/599378/2 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy thu giữ của bị cáo **N**, là phương tiện **N** dùng để liên hệ thực hiện tội phạm, nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Hiện 01 điện thoại này đang được tạm giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, do đó, Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[11] Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo **Lê Minh N** trả lại cho bị hại **Nguyễn Hồng V** số tiền 1.365.000.000 đồng; gia đình bị cáo đã bồi thường trực tiếp cho bị hại **V** số tiền 50.000.000 đồng, bị cáo **N** còn phải trả cho bị hại **V** số tiền 1.315.000.000 đồng.

[12] Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[12.1] Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo **Lê Minh N** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

[12.2] Án phí dân sự sơ thẩm: số tiền bị cáo **N** có trách nhiệm trả lại cho bị hại **V** là 1.315.000.000 đồng, do đó bị cáo **N** phải chịu 36.000.000 đồng + (515.000.000 đồng x 3% = 15.450.000 đồng) = 51.450.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Minh N 18 (mười tám) năm** tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 28-11-2023.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án 01 (một) USB nhãn hiệu “Kingston” chứa 02 file ghi âm giọng nói do ông **Nguyễn Hồng V** giao nộp; 01 (một) USB nhãn hiệu “Kingston” chứa file ghi hình có âm thanh giọng nói của ông **Nguyễn Hồng V**; 01 (một) USB nhãn hiệu “Kingston” chứa file ghi hình có âm thanh giọng nói của bà **Nguyễn Thị Ngọc Đ**; 01 (một) USB nhãn hiệu “Kingston” chứa file ghi hình có âm thanh giọng nói của **Lê Minh N**.

2.2. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động **S** A71, màu xám, số IMEI: 353408/11/599378/2 (*đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng hoạt động của máy*). Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án (*theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 18-3-2024*).

3. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo **Lê Minh N** trả lại cho bị hại **Nguyễn Hồng V** số tiền 1.315.000.000 (một tỷ ba trăm mười lăm triệu) đồng.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bị cáo **Lê Minh N** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

5.1. Án phí hình sự sơ thẩm: bị cáo **Lê Minh N** phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

5.2. Án phí dân sự sơ thẩm: bị cáo **Lê Minh N** phải chịu 51.450.000 (năm mươi một triệu bốn trăm năm nghìn) đồng.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

7. Án hình sự sơ thẩm xử công khai, báo cho bị cáo **Lê Minh N**, bị hại **Nguyễn Hồng V** biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1.TANDTC (Vụ 1);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOA PHIÊN TOÀ**

- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Cơ quan ANĐT CA Tây Ninh;
- Phòng PV 06 CA Tây Ninh;
- Phòng LLTP Sở Tư pháp Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Võ Văn Ngàu